

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN TRIỆU SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 39 /UBND-LĐTBOXH
V/v báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện
Chương trình MTQG Giảm nghèo 2016.

Triệu Sơn, ngày 10 tháng 01 năm 2017

Kính gửi:

- Các phòng, ban, ngành, đơn vị liên quan;
- Chủ tịch UBND các xã, thị trấn.

Thực hiện Công văn số 4230/SLĐTBOXH-BTXH ngày 29/12/2016 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội về việc báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo năm 2016. Chủ tịch UBND huyện Triệu Sơn đề nghị các phòng, ban, ngành, Chủ tịch UBND các xã, thị trấn thực hiện một số nội dung sau:

1. Triển khai nội dung Thông tư số 39/2016/TT-BLĐTBXH ngày 25/10/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn quy trình kiểm tra và giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020; giao nhiệm vụ, chỉ tiêu, tiêu chí theo dõi, thu thập, thống kê số liệu cho từng phòng, ban chức năng liên quan thực hiện Chương trình giảm nghèo làm cơ sở tổng hợp báo cáo hàng năm theo quy định.

2. Báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện các chính sách, chương trình, dự án giảm nghèo năm 2016 tại các xã, thị trấn. Các phòng, ban, ngành căn cứ vào chức năng nhiệm vụ của đơn vị mình tổng hợp báo cáo (yêu cầu bám sát đề cương và biểu mẫu gửi kèm).

Báo cáo gửi về UBND huyện qua (Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội) trước ngày 20/01/2017 để làm cơ sở tổng hợp báo cáo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

(Gửi kèm theo đề cương và biểu mẫu báo cáo)./. *LTQ*

Nơi nhận: *LTQ*

- Như trên;
- Lưu: VT, LĐTBOXH.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Quang Trung

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO

Đánh giá kết quả công tác giảm nghèo năm 2016 và phương hướng nhiệm vụ năm 2017

*(Kèm theo Công văn số /UBND-LĐTĐXH ngày /01/2017
của Chủ tịch UBND huyện Triệu Sơn)*

Phần thứ nhất

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC GIẢM NGHÈO NĂM 2016

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH, CHƯƠNG TRÌNH

- Xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật: (Liệt kê các văn bản, kế hoạch về chỉ đạo, điều hành của Huyện ủy, HĐND, UBND, MTTQ, của Đảng ủy, HĐND, UBND, MTTQ xã, thị trấn... về thực hiện và liên quan đến các mục tiêu của Chương trình giảm nghèo).

- Hoạt động của UBND huyện, Ban chỉ đạo giảm nghèo huyện, hoạt động, sự tham gia của Ủy ban MTTQ, các tổ chức đoàn thể và các tổ chức xã hội cấp huyện, cấp xã trong thực hiện Chương trình và công tác giảm nghèo năm 2016. Phân công trách nhiệm của các cấp, các ngành trong triển khai thực hiện;

- Công tác chỉ đạo điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo Thông tư số 17/2016/TT-BLĐTĐXH ngày 28/6/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016-2020

- Tổ chức thực hiện ở các xã, thị trấn

II. BỐ TRÍ VỐN THỰC HIỆN NĂM 2016

1. Vốn cho Chương trình Giảm nghèo

- + Ngân sách Tỉnh phân bổ. Trong đó vốn đầu tư, vốn sự nghiệp....
- + Ngân sách địa phương. Trong đó vốn đầu tư, vốn sự nghiệp....
- + Hỗ trợ của các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước và các Doanh nghiệp.
- + Huy động từ nguồn lực người dân (ngày công, vật tư, vật liệu, đất...)
- + Huy động từ các nguồn khác (ghi rõ). Ví dụ: Từ các tổ chức NGO, Việt kiều, các dự án hỗ trợ an sinh xã hội phi lợi nhuận có vốn không phải ngân sách nhà nước; từ các tổ chức chính trị, đoàn thể: MTTQ, Đoàn thanh niên, Hội Nông dân, Phụ nữ.... (Chỉ tính vốn trực tiếp, không tính vốn phối hợp)

2. Vốn cho các chính sách giảm nghèo chung

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIẢM NGHÈO 2016

1. Dự án 2: Chương trình 135

Ngân sách trung ương bố trí, trong đó (đầu tư phát triển; sự nghiệp); ngân sách địa phương bố trí, trong đó (đầu tư phát triển; sự nghiệp); huy động khác (theo các nguồn) cho Dự án 2.

a) Tiểu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng cho các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu, các thôn, bản đặc biệt khó khăn.

- Ngân sách trung ương bố trí, trong đó (đầu tư phát triển; sự nghiệp); ngân sách địa phương bố trí, trong đó (đầu tư phát triển; sự nghiệp); huy động khác (theo các nguồn);

- Số công trình được đầu tư trong đó: đầu tư mới, công trình chuyển tiếp, công trình duy tu bảo dưỡng (cấp làm chủ đầu tư, phân loại công trình đầu tư, quy mô công trình, với mỗi công trình đầu tư ghi rõ đối tượng hưởng lợi theo tổng số, số hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ dân tộc thiểu số).

b) Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu, các thôn, bản đặc biệt khó khăn.

- Ngân sách trung ương bố trí; ngân sách địa phương bố trí; huy động khác (theo các nguồn);

- Số mô hình giảm nghèo hoặc dự án phát triển sản xuất được hỗ trợ (phân loại mô hình giảm nghèo hoặc dự án phát triển sản xuất theo loại hình nông, lâm, ngư nghiệp và phi nông nghiệp, ngành nghề dịch vụ; quy mô mô hình giảm nghèo hoặc dự án phát triển sản xuất, với mỗi mô hình giảm nghèo hoặc dự án phát triển sản xuất ghi rõ đối tượng hưởng lợi theo tổng số, số người nghèo, người cận nghèo, phụ nữ, dân tộc thiểu số), có gắn với quy hoạch phát triển sản xuất và thích ứng với biến đổi khí hậu.

c) Tiểu dự án 3: Nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ cơ sở các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu; thôn bản đặc biệt khó khăn.

- Ngân sách trung ương bố trí; ngân sách địa phương bố trí; huy động khác (theo các nguồn);

- Số các hoạt động nâng cao năng lực: phân loại các hoạt động, với mỗi loại hoạt động ghi rõ số người được hỗ trợ gồm cả tổng số lượt, số lượt cán bộ (trong đó ghi rõ tổng số lượt, số lượt cán bộ theo các cấp, số lượt cán bộ nữ, số lượt cán bộ dân tộc thiểu số), số lượt người dân (trong đó ghi rõ số lượt người nghèo, lượt cận nghèo, lượt phụ nữ, lượt dân tộc thiểu số).

2. Dự án 4: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin

Ngân sách trung ương bố trí, trong đó (đầu tư phát triển; sự nghiệp); ngân sách địa phương bố trí, trong đó (đầu tư phát triển; sự nghiệp); huy động khác (theo các nguồn) cho Dự án 4.

a) Hoạt động truyền thông

- Ngân sách trung ương bố trí; ngân sách địa phương bố trí; huy động khác (theo các nguồn).

- Tổ chức xây dựng và thực hiện các sản phẩm truyền thông về giảm nghèo (phóng sự, tọa đàm, đối thoại, Pa nô, áp phích, tờ rơi, hình thức khác...).

- Xây dựng và phát triển mạng lưới cán bộ tuyên truyền viên, báo cáo viên về giảm nghèo các cấp: (số lớp và số người tham dự).

- Xây dựng trang tin điện tử về giảm nghèo hoặc ký hợp đồng đưa tin trên trang điện tử.

- Tổ chức đối thoại chính sách (số cuộc đối thoại theo từng cấp, số đối tượng hưởng lợi tham gia đối thoại theo tổng số, số người nghèo, người cận nghèo, phụ nữ, dân tộc thiểu số).

b) Hoạt động giảm nghèo về thông tin

- Ngân sách trung ương bố trí, trong đó (đầu tư phát triển; sự nghiệp); ngân sách địa phương bố trí, trong đó (đầu tư phát triển; sự nghiệp); huy động khác (theo các nguồn).

- Số hộ dân thuộc địa bàn huyện nghèo, xã nghèo được tiếp cận, cung cấp thông tin về chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước; kinh nghiệm sản xuất. tình hình phát triển kinh tế - xã hội (ghi rõ đối tượng hưởng lợi theo tổng số, số hộ nghèo, số hộ cận nghèo, số hộ dân tộc thiểu số).

- Số phương tiện nghe - xem được hỗ trợ cho hộ nghèo sống tại các đảo xa bờ; hộ nghèo thuộc các dân tộc rất ít người; hộ nghèo sống tại các xã đặc biệt khó khăn.

- Số cán bộ cấp xã làm công tác thông tin và truyền thông được đào tạo nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ thông tin tuyên truyền cổ động; số lớp đào tạo.

- Xã nghèo có điểm thông tin, tuyên truyền cổ động ngoài trời.

- Trang bị bộ phương tiện tác nghiệp tuyên truyền cổ động.

- Cụm thông tin cơ sở tại các khu vực cửa khẩu, biên giới, trung tâm giao thương được đầu tư.

3. Dự án 5: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình

Ngân sách trung ương bố trí; ngân sách địa phương bố trí; huy động khác (theo các nguồn) cho Dự án 5.

a) Hoạt động nâng cao năng lực

- Tổ chức tập huấn nâng cao năng lực giảm nghèo: Số lớp tập huấn và số lượt cán bộ được tập huấn (trong đó ghi rõ tổng số lượt, số lượt cán bộ theo các cấp, số lượt cán bộ nữ, số lượt cán bộ dân tộc thiểu số).

- Tham quan, học tập kinh nghiệm: Số lượt và số cán bộ tham dự (trong đó ghi rõ tổng số lượt, số lượt cán bộ theo các cấp, số lượt cán bộ nữ, số lượt cán bộ dân tộc thiểu số).

b) Hoạt động kiểm tra và giám sát, đánh giá

- Hoạt động kiểm tra: Số lần (đoàn) giám sát cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã.

- Tình hình triển khai các hướng dẫn về giám sát và đánh giá.

- Thực hiện xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu giảm nghèo: điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo; cập nhật dữ liệu hộ nghèo, hộ cận nghèo.

(Kèm theo Biểu số 02)

IV. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHÍNH SÁCH GIẢM NGHÈO CHUNG

1) Hỗ trợ sản xuất, dạy nghề, tạo việc làm, tăng thu nhập cho người nghèo:

+ Số người được dạy, đào tạo nghề (trong đó chia người nghèo, người cận nghèo, người DTTS..

+ Số người nghèo được hỗ trợ việc làm; số người nghèo được hỗ trợ xuất khẩu lao động, trong đó số người được xuất khẩu lao động trong năm.

+ Số người nghèo, người cận nghèo được vay vốn phát triển sản xuất, tạo việc làm theo các chương trình cho vay Ngân hàng chính sách.

2) Hỗ trợ về giáo dục và đào tạo

Số lượng học sinh, sinh viên nghèo, cận nghèo, DTTS được hỗ trợ ưu đãi giáo dục; kinh phí và kết quả hỗ trợ hiện vật khác như gạo, tiền... theo các chính sách hiện hành.

3) Hỗ trợ về y tế và dinh dưỡng

- Số người nghèo, người cận nghèo, người DTTS được hỗ trợ mua thẻ BHYT; Số lượt người nghèo, người cận nghèo, người DTTS được khám chữa bệnh tại các cơ sở khám chữa bệnh từ tuyến huyện trở xuống (trạm y tế xã, trung tâm y tế, bệnh viện huyện...)

- Số hộ được hỗ trợ về nhà tiêu hợp vệ sinh; sử dụng nước hợp vệ sinh.

4) Hỗ trợ về nhà ở:

Số hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn được hỗ trợ nhà ở; số hộ nghèo được hỗ trợ làm nhà tránh lũ; tổng kinh phí thực hiện.

5) Hỗ trợ người nghèo tiếp cận các dịch vụ trợ giúp pháp lý

Số lượt người nghèo, người cận nghèo được tiếp cận, số lượt được tham gia, tư vấn.

6) Hỗ trợ người nghèo hưởng thụ văn hóa, thông tin

Số liệu lấy theo số dân cư của xã, huyện theo biểu số 01

7) Số hộ nghèo, hộ chính sách được hỗ trợ tiền điện.

8) Hỗ trợ tín dụng ưu đãi

9) Bảo trợ xã hội và an sinh xã hội

- Số đối tượng bảo trợ xã hội và kinh phí thực hiện trong năm 2016.

- Công tác thực hiện trợ giúp, cứu trợ đột xuất trong năm 2016: Như hỗ trợ trôi, cháy nhà, người chết do tai nạn, mất tích,... cứu trợ gạo giáp hạt, gạo cứu đói..., cứu trợ thiên tai, dịch họa trên địa bàn từ tất cả các nguồn. Nêu số lượng cụ thể từng loại đối tượng hỗ trợ như.... Nhà đổ,người chết, mất tích, ...

V. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH TÁC ĐỘNG MỤC TIÊU GIẢM NGHÈO

- Các hoạt động của các chương trình, dự án trên địa bàn góp phần thực hiện mục tiêu xóa đói, giảm nghèo, tạo việc làm, tăng thu nhập trên địa bàn. Nêu cụ thể tên chương trình, dự án và nguồn vốn địa phương trong thực hiện (nếu có). (Ví dụ: Chương trình MTQG nông thôn mới, Chương trình, Đề án giảm nghèo đặc thù của ngành, của địa phương...)

- Các hoạt động của các tổ chức xã hội như: Hội phụ nữ, Hội Nông dân, Hội cựu chiến binh, Mặt trận tổ quốc... trong việc tuyên truyền chính sách giảm nghèo, phát động các phong trào quyên góp đền ơn đáp nghĩa, xây dựng nhà tình nghĩa, cùng nhau làm kinh tế, hỗ trợ các gia đình khó khăn...(đề nghị các hội nêu cụ thể số liệu trong việc thực hiện các nội dung trên nếu có, phân tích rõ nguồn của các hội và phối hợp thực hiện)

- Kết quả huy động từ các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân và cộng đồng

VI. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ

1. Đánh giá chung

- Kết quả thực hiện mục tiêu giảm tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm so với kế hoạch năm và thực hiện năm trước.

- Kết quả thực hiện mục tiêu tăng thu nhập của các hộ nghèo, hộ cận nghèo hàng năm so với năm trước.

- Kết quả thực hiện mục tiêu đưa các địa bàn thoát khỏi tình trạng đặc biệt khó khăn so với kế hoạch năm.

- Kết quả thực hiện các mục tiêu và chỉ tiêu cụ thể khác của Chương trình.

- Kết quả triển khai thực hiện Chương trình giảm nghèo nhanh và bền vững theo Quyết định số 289-QĐ/TU ngày 27/5/2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Kế hoạch số

159/KH-UBND ngày 21/10/2016 của UBND tỉnh và Kế hoạch số 18/KH-UBND ngày 07/3/2014 và Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giảm nghèo nhanh và bền vững ở các huyện miền núi Thanh Hóa.

2. Tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc và những nguyên nhân

- 2.1. Về cơ chế quản lý, điều phối và phối hợp
- 2.2. Về tổ chức triển khai thực hiện chính sách, dự án của Chương trình
- 2.3. Về huy động nguồn lực
- 2.4. Về phân bổ nguồn lực
- 2.5. Về công tác theo dõi, giám sát, đánh giá, tiến độ thực hiện
- 2.6. Về nhận thức của các cấp, ngành và người dân về công tác giảm nghèo

Phần thứ hai

KẾ HOẠCH, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CÔNG TÁC NĂM 2017

I. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CÔNG TÁC GIẢM NGHÈO 2017

1. Công tác chỉ đạo thực hiện Chương trình.
2. Công tác hướng dẫn thực hiện Chương trình.
3. Bố trí nguồn lực thực hiện Chương trình.
4. Quản lý điều hành, kiểm tra và giám sát, đánh giá.

II. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Kiến nghị điều chỉnh mục tiêu, chỉ tiêu

- Đề xuất về điều chỉnh, hoàn thiện nội dung các dự án thuộc Chương trình trên các phương diện: mục tiêu, đối tượng thụ hưởng của dự án, các hoạt động dự án, cơ chế thực hiện, nguồn vốn, các đầu ra của dự án;

- Đề xuất về đối tượng hưởng lợi của Chương trình (cách xác định đối tượng, các đối tượng cần bổ sung...).

2. Đề xuất bố trí vốn và cơ chế huy động vốn

- Đề xuất cơ chế, chính sách, giải pháp bố trí và phân bổ vốn đảm bảo đủ và kịp thời lượng vốn cho thực hiện Chương trình.

- Đề xuất về cơ chế quản lý tài chính phù hợp để thúc đẩy tiến độ và kết quả thực hiện Chương trình.

3. Đề xuất về chỉ đạo, điều hành và quản lý Chương trình

- Đề xuất hoàn thiện cơ chế chỉ đạo, điều hành và phối kết hợp của các Bộ, ngành, sở ngành và các cấp trong triển khai thực hiện Chương trình.

- Đề xuất về hoàn thiện cách thức tổ chức, quản lý thực hiện Chương trình (hệ thống tổ chức quản lý: nhân lực, bộ máy, trang thiết bị, chế độ chính sách; công tác kiểm tra và giám sát, đánh giá...).

(Kèm theo các phụ lục báo cáo từ Biểu số 01 đến Biểu số 12).

Khung kết quả Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững năm 2016
(Kèm theo Công văn số /UBND-LPTBXH ngày 09/01/2017 của Chủ tịch UBND huyện Triệu Sơn)

STT	Chi số	Kết quả năm 2016				Kế hoạch năm 2017		Nguồn thông tin		
		Phân tổ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ				
1	Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo giai đoạn 2016-2020)	Tỷ lệ hộ nghèo của huyện	Chung	Số hộ	%	Số hộ	%	Rà soát hộ nghèo, cận nghèo hàng năm		
			Hộ DTTS	Số hộ	%	Số hộ	%			
		Tỷ lệ hộ nghèo bình quân tại các xã DBKK vùng bãi ngang ven biển và hải đảo	Chung	Số hộ	%	Số hộ	%	Rà soát hộ nghèo, cận nghèo hàng năm		
			Hộ DTTS	Số hộ	%	Số hộ	%			
		Tỷ lệ hộ nghèo bình quân tại các xã DBKK, xã biên giới, xã an toàn khu, các thôn, bản DBKK	Chung	Số hộ	%	Số hộ	%	Rà soát hộ nghèo, cận nghèo hàng năm		
			Hộ DTTS	Số hộ	%	Số hộ	%			
		Tỷ lệ hộ nghèo dân tộc thiểu số	Chung	Số hộ	%	Số hộ	%	Rà soát hộ nghèo, cận nghèo hàng năm		
			Hộ DTTS	Số hộ	%	Số hộ	%			
		2	Tỷ lệ hộ cận nghèo (theo chuẩn nghèo giai đoạn 2016-20)	Tỷ lệ cận nghèo của huyện	Chung	Số hộ	%	Số hộ	%	Rà soát hộ nghèo, cận nghèo hàng năm
					Hộ DTTS	Số hộ	%	Số hộ	%	
Tỷ lệ cận nghèo tại các xã DBKK vùng bãi ngang ven biển và hải đảo	Chung			Số hộ	%	Số hộ	%	Rà soát hộ nghèo, cận nghèo hàng năm		
	Hộ DTTS			Số hộ	%	Số hộ	%			
Tỷ lệ cận nghèo tại các Xã DBKK, xã biên giới, xã an toàn khu, các thôn, bản DBKK	Chung			Số hộ	%	Số hộ	%	Rà soát hộ nghèo, cận nghèo hàng năm		
	Hộ DTTS			Số hộ	%	Số hộ	%			
Tỷ lệ hộ cận nghèo dân tộc thiểu số	Chung			Số hộ	%	Số hộ	%	Rà soát hộ nghèo, cận nghèo hàng năm		
	Hộ DTTS			Số hộ	%	Số hộ	%			
3	Tỷ lệ địa bàn thoát khỏi tình trạng khó khăn			Tỷ lệ huyện nghèo thoát khỏi tình trạng đặc biệt khó khăn theo NQ30a	Chung	Số huyện	%	Số huyện	%	Phòng LPTBXH
					Hộ DTTS	Số xã	%	Số xã	%	
		Tỷ lệ xã DBKK vùng bãi ngang ven biển và hải đảo thoát khỏi tình trạng DBKK theo tiêu chí do TTg quy định	Chung	Số xã	%	Số xã	%	Phòng LPTBXH		
			Hộ DTTS	Số xã	%	Số xã	%			
		Tỷ lệ xã DBKK, xã biên giới, xã an toàn khu thoát khỏi tình trạng DBKK theo tiêu chí do TTg quy định	Chung	Số xã	%	Số xã	%	Phòng Dân tộc		
			Hộ DTTS	Số xã	%	Số xã	%			
		Tỷ lệ thôn bản DBKK thoát khỏi tình trạng DBKK theo tiêu chí do TTg quy định	Chung	Số thôn bản	%	Số thôn bản	%	Biểu số 03 Phòng Dân tộc		
			Hộ DTTS	Số thôn bản	%	Số thôn bản	%			
				Chung	Số thôn bản	%	Số thôn bản	%	Rà soát hộ nghèo, cận nghèo: Biểu số 03; Phòng	
				Hộ DTTS	Số thôn bản	%	Số thôn bản	%		

STT	Chi số	Kết quả năm 2016				Kế hoạch năm 2017				Nguồn thông tin	
		Phân tổ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ					
4	Thu nhập bình quân đầu người hộ nghèo	Hộ nghèo toàn huyện	Hộ cận nghèo	VND/tháng		Hộ cận nghèo			Rà soát hộ nghèo, cận nghèo; Biểu số 03 Phòng LĐTĐXH; Chi cục Thống kê		
			Hộ DTTS	VND/tháng		Hộ DTTS					
		Hộ nghèo tại các xã DBKK vùng bãi ngang ven biển và hải đảo	Chung tại các xã	VND/tháng		Chung tại các xã					
			Hộ cận nghèo	VND/tháng		Hộ cận nghèo					
		Hộ nghèo tại các Xã DBKK, xã biên giới, xã an toàn khu, các thôn, bản DBKK	Hộ cận nghèo	VND/tháng		Hộ cận nghèo					
			Chung tại các xã	VND/tháng		Chung tại các xã					
		Hộ nghèo dân tộc thiểu số	Hộ cận nghèo	VND/tháng		Hộ cận nghèo					
			Chung	VND/tháng		Chung					
		5	Tỷ lệ hộ hưởng lợi hải lồng với các hoạt động của Chương trình	Toàn Huyện	Chung	Số hộ	%	Số hộ		%	Điều tra chọn mẫu; UBND cấp xã
					Hộ nghèo	Số hộ	%	Số hộ		%	
Xã DBKK vùng bãi ngang ven biển và hải đảo	Hộ cận nghèo			Số hộ	%	Hộ cận nghèo					
	Hộ DTTS			Số hộ	%	Hộ DTTS					
Xã DBKK, xã biên giới, xã an toàn khu; và các thôn, bản DBKK	Chung			Số hộ	%	Số hộ	%				
	Hộ nghèo			Số hộ	%	Hộ nghèo					
Xã DBKK vùng bãi ngang ven biển và hải đảo	Hộ cận nghèo			Số hộ	%	Hộ cận nghèo					
	Hộ DTTS			Số hộ	%	Hộ DTTS					
6	Tỷ lệ hộ hưởng lợi được tham gia vào lựa chọn ưu tiên ở cấp thôn			Toàn huyện	Chung	Số người	%	Số người	%	Biểu số 10 UBND cấp xã	
					Hộ nghèo	Số người	%	Hộ nghèo			
		Xã DBKK vùng bãi ngang ven biển và hải đảo	Hộ cận nghèo	Số người	%	Hộ cận nghèo					
			Hộ DTTS	Số người	%	Hộ DTTS					
		Xã DBKK vùng bãi ngang ven biển và hải đảo	Phụ nữ	Số người	%	Phụ nữ					
			Chung	Số người	%	Chung					
		Xã DBKK vùng bãi ngang ven biển và hải đảo	Hộ nghèo	Số người	%	Hộ nghèo					
			Hộ cận nghèo	Số người	%	Hộ cận nghèo					
		Xã DBKK vùng bãi ngang ven biển và hải đảo	Hộ DTTS	Số người	%	Hộ DTTS					
			Phụ nữ	Số người	%	Phụ nữ					

STT	Chi số	Kết quả năm 2016				Kế hoạch năm 2017				Nguồn thông tin
		Phân tổ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ				
7	Tỷ lệ xã có đường ô tô đến trung tâm xã được nhựa hóa hoặc bê tông hóa theo tiêu chuẩn kỹ thuật của Bộ GTVT	Xã DBKK, xã biên giới, xã an toàn khu; và các thôn, bản DBKK	Chung	Số người	%	Số người	%	Biểu số 03 Phòng Kinh tế hạ tầng; Phòng NN-PTNT (điều phối NTM)		
		Xã thuộc huyện nghèo	Hộ nghèo	Số người	%	Số người	%			
			Hộ cận nghèo	Số người	%	Số người	%			
			Hộ DTTS	Số người	%	Số người	%			
			Phụ nữ	Số người	%	Số người	%			
			Xã DBKK, xã biên giới, xã an toàn khu	Số xã	%	Số xã	%			
Xã DBKK vùng bãi ngang ven biển và hải đảo	Số xã	%	Số xã	%						
8	Tỷ lệ thôn, bản có đường trục giao thông được cứng hóa theo tiêu chuẩn kỹ thuật của Bộ GTVT	Toàn Huyện	Số thôn bản	%	Số thôn bản	%	Biểu số 03 Phòng Kinh tế hạ tầng; Phòng NN-PTNT (điều phối NTM)			
		Thôn bản thuộc huyện nghèo	Số thôn bản	%	Số thôn bản	%				
		Thôn bản thuộc xã DBKK vùng bãi ngang ven biển và hải đảo	Số thôn bản	%	Số thôn bản	%				
		Xã DBKK, xã biên giới, xã an toàn khu; và các thôn, bản DBKK	Số thôn bản	%	Số thôn bản	%				
		Toàn Huyện	Số xã	%	Số xã	%				
		Xã thuộc huyện nghèo	Số xã	%	Số xã	%				
9	Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế	Xã DBKK vùng bãi ngang ven biển và hải đảo	Số xã	%	Số xã	%	Biểu số 03 Phòng Y tế; Phòng NN-PTNT (điều phối NTM)			
		Xã DBKK, xã biên giới, xã an toàn khu	Số xã	%	Số xã	%				
		Toàn Huyện	Số xã	%	Số xã	%				
		Xã thuộc huyện nghèo	Số xã	%	Số xã	%				
		Xã DBKK vùng bãi ngang ven biển và hải đảo	Số xã	%	Số xã	%				
		Xã DBKK, xã biên giới, xã an toàn khu	Số xã	%	Số xã	%				
10	Trạm y tế cấp xã có đủ điều kiện khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế	Toàn huyện	Chung	Số hộ	%	Số hộ	%	Biểu số 03 Phòng Y tế; Phòng NN-PTNT		
			Hộ nghèo	Số hộ	%	Số hộ	%			
			Hộ cận nghèo	Số hộ	%	Số hộ	%			
			Hộ DTTS	Số hộ	%	Số hộ	%			
			Chung	Số hộ	%	Số hộ	%			
			Hộ nghèo	Số hộ	%	Số hộ	%			
			Hộ cận nghèo	Số hộ	%	Số hộ	%			
			Hộ DTTS	Số hộ	%	Số hộ	%			
			Chung	Số hộ	%	Số hộ	%			
			Hộ nghèo	Số hộ	%	Số hộ	%			
			Hộ cận nghèo	Số hộ	%	Số hộ	%			
			Hộ DTTS	Số hộ	%	Số hộ	%			
		11	Tỷ lệ hộ gia đình được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh	Huyện nghèo	Số hộ	%	Số hộ		%	Biểu số 03 Phòng Y tế; Phòng NN-PTNT
Xã DBKK vùng bãi ngang ven biển và hải đảo	Số hộ			%	Số hộ	%				

STT	Chi số	Kết quả năm 2016				Kế hoạch năm 2017		Nguồn thông tin
		Phân tổ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ		
12	Xã có mạng lưới trường mầm non, phổ thông, trung tâm học tập cộng đồng đủ để đáp ứng nhu cầu học tập và nâng cao kiến thức cho người dân	Toàn huyện	Số hộ	%	Số hộ	%	Biểu số 03 Phòng Giáo dục đào tạo;	
		Xã thuộc huyện nghèo	Số hộ	%	Số hộ	%		
		Xã DBKK vùng bãi ngang ven biển và hải đảo	Số hộ	%	Số hộ	%		
13	Xã có cơ sở vật chất trường học đạt chuẩn nông thôn mới	Toàn huyện	Số xã	%	Số xã	%	Biểu số 03 Phòng NN-PTNT (điều phối NTM); Phòng Giáo dục đào tạo;	
		Xã thuộc huyện nghèo	Số xã	%	Số xã	%		
		Xã DBKK vùng bãi ngang ven biển và hải đảo	Số xã	%	Số xã	%		
14	Diện tích cây trồng hằng năm được tưới tiêu bởi hệ thống thủy lợi	Toàn huyện	Diện tích	%	Diện tích	%	Biểu số 03 Phòng NN-PTNT; Phòng Kinh tế hạ tầng;	
		Huyện nghèo	Diện tích	%	Diện tích	%		
		Xã DBKK vùng bãi ngang ven biển và hải đảo	Diện tích	%	Diện tích	%		
15	Tỷ lệ vốn đầu tư cho công trình CSHT được sử dụng để trả công cho lao động địa phương	Toàn huyện	Triệu VND	%	Triệu VND	%	Biểu số 04 Phòng Tài chính Kế hoạch; Phòng Kinh tế hạ tầng; Phòng LĐTBXH	
		Huyện nghèo	Triệu VND	%	Triệu VND	%		
		Xã DBKK vùng bãi ngang ven biển và hải đảo	Triệu VND	%	Triệu VND	%		
16	Tỷ lệ công trình CSHT trên địa bàn thụ hưởng được duy tu bảo dưỡng bằng nguồn kinh phí DT&BD của Chương trình	Toàn huyện	Số công trình	%	Số công trình	%	Biểu số 04 Phòng Tài chính Kế hoạch; Phòng Kinh tế hạ tầng; Phòng LĐTBXH	
		Huyện nghèo	Số công trình	%	Số công trình	%		
		Xã DBKK vùng bãi ngang ven biển và hải đảo	Số công trình	%	Số công trình	%		
17	Tỷ lệ vốn đầu tư cho công trình CSHT được thực hiện theo cơ chế đầu tư đặc thù rút gọn	Toàn huyện	Số công trình	%	Số công trình	%	Biểu số 04 Phòng Tài chính Kế hoạch; Phòng Kinh tế hạ tầng; Phòng LĐTBXH	
		Huyện nghèo	Số công trình	%	Số công trình	%		
		Xã DBKK vùng bãi ngang ven biển và hải đảo	Số công trình	%	Số công trình	%		
18	Số lao động được Đào tạo nghề, ngoại ngữ, bồi dưỡng kiến thức cần thiết và làm các thủ tục xuất cảnh	Toàn huyện	Số lượt người	%	Số lượt người	%	Biểu số 07; Phòng LĐTBXH	
		Huyện nghèo	Số lượt người	%	Số lượt người	%		
		Xã DBKK vùng bãi ngang ven biển và hải đảo	Số lượt người	%	Số lượt người	%		

STT	Chi số	Kết quả năm 2016				Kế hoạch năm 2017		Nguồn thông tin
		Phân tổ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ		
19	Số lao động thuộc đối tượng đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	Toàn Huyện	Số lượt người	%	Số lượt người	%	Biểu số 07; Phòng LĐTBXH	
			Huyện nghèo	Số lượt người	%	Số lượt người		%
			Xã DBKK vùng bãi ngang ven biển và hải đảo	Số lượt người	%	Số lượt người		%
		Toàn huyện	Chung	Số hộ	%	Số hộ		%
			Hộ nghèo	Số hộ	%	Số hộ		%
			Hộ cận nghèo	Số hộ	%	Số hộ		%
			Hộ DTTS	Số hộ	%	Số hộ		%
			Chung	Số hộ	%	Số hộ		%
			Hộ nghèo	Số hộ	%	Số hộ		%
			Hộ cận nghèo	Số hộ	%	Số hộ		%
20	Tỷ lệ hộ tham gia vào các mô hình giảm nghèo được nhân rộng	Xã DBKK vùng bãi ngang ven biển và hải đảo	Chung	Số hộ	%	Số hộ	%	Biểu số 03, Biểu số 06 Phòng Lao động- TB và Xã hội; Phòng Dân tộc; Phòng NN-PTNT
			Hộ nghèo	Số hộ	%	Số hộ	%	
			Hộ cận nghèo	Số hộ	%	Số hộ	%	
		Xã DBKK, xã biên giới, xã an toàn khu; và các thôn, bản DBKK	Hộ DTTS	Số hộ	%	Số hộ	%	
			Chung	Số hộ	%	Số hộ	%	
			Hộ nghèo	Số hộ	%	Số hộ	%	
			Hộ cận nghèo	Số hộ	%	Số hộ	%	
			Hộ DTTS	Số hộ	%	Số hộ	%	
			Chung	Số hộ	%	Số hộ	%	
			Hộ nghèo	Số hộ	%	Số hộ	%	
21	Tỷ lệ hộ tham gia vào các dự án phát triển sản xuất, đa dạng hóa thu nhập	Các xã khác ngoài các xã thuộc huyện nghèo, xã DBKK vùng bãi ngang ven biển và hải đảo, xã 135	Chung	Số hộ	%	Số hộ	%	Biểu số 03, Biểu số 05 Phòng Lao động- TB và Xã hội; Phòng Dân tộc; Phòng
			Hộ nghèo	Số hộ	%	Số hộ	%	
			Hộ cận nghèo	Số hộ	%	Số hộ	%	
		Toàn huyện	Hộ DTTS	Số hộ	%	Số hộ	%	
			Chung	Số hộ	%	Số hộ	%	
			Hộ nghèo	Số hộ	%	Số hộ	%	
			Hộ cận nghèo	Số hộ	%	Số hộ	%	
			Hộ DTTS	Số hộ	%	Số hộ	%	
			Chung	Số hộ	%	Số hộ	%	
			Hộ nghèo	Số hộ	%	Số hộ	%	
Huyện nghèo	Hộ cận nghèo	Số hộ	%	Số hộ	%			
	Chung	Số hộ	%	Số hộ	%			
	Hộ nghèo	Số hộ	%	Số hộ	%			
	Hộ cận nghèo	Số hộ	%	Số hộ	%			
	Hộ DTTS	Số hộ	%	Số hộ	%			
	Chung	Số hộ	%	Số hộ	%			
	Hộ nghèo	Số hộ	%	Số hộ	%			
	Hộ cận nghèo	Số hộ	%	Số hộ	%			
	Hộ DTTS	Số hộ	%	Số hộ	%			
	Chung	Số hộ	%	Số hộ	%			

STT	Chi số	Kết quả năm 2016				Kế hoạch năm 2017		Nguồn thông tin
		Phân tổ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ		
22	<p>Tỷ lệ hộ được tham gia tập huấn kỹ thuật trong các mô hình nhân rộng và các dự án phát triển sản xuất</p> <p>Các xã khác ngoài các xã thuộc huyện nghèo, xã DBKK vùng bãi ngang ven biển và hải đảo, xã 135</p>	<p>Xã DBKK, xã biên giới, xã an toàn khu; và các thôn, bản DBKK</p> <p>Toàn huyện</p> <p>Huyện nghèo</p> <p>Xã DBKK vùng bãi ngang ven biển và hải đảo</p> <p>Chung</p> <p>Hộ nghèo</p> <p>Hộ cận nghèo</p> <p>Hộ DTTS</p> <p>Chung</p> <p>Hộ nghèo</p> <p>Hộ cận nghèo</p> <p>Hộ DTTS</p> <p>Chung</p> <p>Hộ nghèo</p> <p>Hộ cận nghèo</p> <p>Hộ DTTS</p> <p>Chung</p> <p>Hộ nghèo</p> <p>Hộ cận nghèo</p> <p>Hộ DTTS</p> <p>Các xã khác ngoài các xã thuộc huyện nghèo, xã DBKK vùng bãi ngang ven biển và hải đảo, xã 135</p> <p>Toàn huyện</p>	Hộ DTTS	Số hộ	%	Số hộ	%	<p>NN-PTNT</p> <p>Biểu số 03, Biểu số 05 Phòng Lao động- TB và Xã hội; Phòng Dân tộc; Phòng NN-PTNT</p>
			Chung	Số hộ	%	Số hộ	%	
			Hộ nghèo	Số hộ	%	Số hộ	%	
			Hộ cận nghèo	Số hộ	%	Số hộ	%	
			Hộ DTTS	Số hộ	%	Số hộ	%	
			Chung	Số hộ	%	Số hộ	%	
			Hộ nghèo	Số hộ	%	Số hộ	%	
			Hộ cận nghèo	Số hộ	%	Số hộ	%	
			Hộ DTTS	Số hộ	%	Số hộ	%	
			Chung	Số hộ	%	Số hộ	%	
			Hộ nghèo	Số hộ	%	Số hộ	%	
			Hộ cận nghèo	Số hộ	%	Số hộ	%	
			Hộ DTTS	Số hộ	%	Số hộ	%	
			Chung	Số hộ	%	Số hộ	%	
			Hộ nghèo	Số hộ	%	Số hộ	%	
			Hộ cận nghèo	Số hộ	%	Số hộ	%	
			Hộ DTTS	Số hộ	%	Số hộ	%	
			Số lượt cán bộ	Số lượt cán bộ	%	Số lượt cán bộ	%	
			Số lượt cán bộ nữ	Số lượt cán bộ nữ	%	Số lượt cán bộ nữ	%	
			Số lượt cán bộ DTTS	Số lượt cán bộ DTTS	%	Số lượt cán bộ DTTS	%	
			Số lượt cán bộ	Số lượt cán bộ	%	Số lượt cán bộ	%	

STT	Chi số	Kết quả năm 2016				Kế hoạch năm 2017				Nguồn thông tin
		Phân tổ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ				
23	giảm nghèo cấp xã, trường thôn, bản được tập huấn kiến thức, kỹ năng cơ bản về quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình, chính sách, dự án giảm nghèo; LKH có sự tham gia; xây dựng kế hoạch phát triển cộng đồng	Huyện nghèo	Số lượt cán bộ nữ	%	Số lượt cán bộ nữ	%	Biểu số 03, Biểu số 09 Phòng Văn hóa thông tin huyện; Phòng Lao động - TB và Xã hội; Phòng NN-PTNT; Phòng Dân tộc...			
			Số lượt cán bộ DTTS	%	Số lượt cán bộ DTTS	%				
			Số lượt cán bộ nữ	%	Số lượt cán bộ nữ	%				
			Số lượt cán bộ DTTS	%	Số lượt cán bộ DTTS	%				
			Số lượt cán bộ	%	Số lượt cán bộ	%				
			Số lượt cán bộ nữ	%	Số lượt cán bộ nữ	%				
			Số lượt cán bộ DTTS	%	Số lượt cán bộ DTTS	%				
			Số lượt cán bộ	%	Số lượt cán bộ	%				
			Số lượt cán bộ nữ	%	Số lượt cán bộ nữ	%				
			Số lượt cán bộ DTTS	%	Số lượt cán bộ DTTS	%				
24	Hộ dân thuộc địa bàn huyện nghèo, xã nghèo được tiếp cận, cung cấp thông tin về chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước; kinh nghiệm sản xuất; tình hình phát triển kinh tế - xã hội	Huyện nghèo	Số hộ	%	Số hộ	%	Biểu số 03, Biểu số 08 Phòng Văn hóa thông tin huyện;			
			Số hộ	%	Số hộ	%				
			Số hộ	%	Số hộ	%				
			Số hộ	%	Số hộ	%				
			Số hộ	%	Số hộ	%				
			Số hộ	%	Số hộ	%				
			Số hộ	%	Số hộ	%				
			Số hộ	%	Số hộ	%				
			Số hộ	%	Số hộ	%				
			Số hộ	%	Số hộ	%				
25	Hỗ trợ phương tiện nghe - xem cho hộ nghèo sống tại các đảo xa bờ; hộ nghèo thuộc các dân tộc rất ít người; hộ nghèo sống tại các xã đặc biệt khó khăn.	Xã DBKK, xã biên giới, xã an toàn khu; và các thôn, bản DBKK	Số lượt cán bộ	%	Số lượt cán bộ	%	Biểu số 08 Phòng Văn hóa thông tin huyện;			
			Số hộ	%	Số hộ	%				
			Số hộ	%	Số hộ	%				
			Số hộ	%	Số hộ	%				
			Số hộ	%	Số hộ	%				
			Số hộ	%	Số hộ	%				
			Số hộ	%	Số hộ	%				
			Số hộ	%	Số hộ	%				
			Số hộ	%	Số hộ	%				
			Số hộ	%	Số hộ	%				

STT	Chi số	Kết quả năm 2016				Kế hoạch năm 2017		Nguồn thông tin
		Phân tử	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ		
26	Cán bộ cấp xã làm công tác thông tin và truyền thông được đào tạo nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ thông tin tuyên truyền cổ động	Huyện nghèo	Số lượt cán bộ nữ	%	Số lượt cán bộ nữ	%	Biểu số 03, Biểu số 09 Phòng Văn hóa thông tin huyện;	
			Số lượt cán bộ DTTS	%	Số lượt cán bộ DTTS	%		
			Số lượt cán bộ	%	Số lượt cán bộ	%		
			Số lượt cán bộ nữ	%	Số lượt cán bộ nữ	%		
			Số lượt cán bộ DTTS	%	Số lượt cán bộ DTTS	%		
			Số lượt cán bộ	%	Số lượt cán bộ	%		
			Số lượt cán bộ nữ	%	Số lượt cán bộ nữ	%		
			Số lượt cán bộ DTTS	%	Số lượt cán bộ DTTS	%		
			Số lượt cán bộ	%	Số lượt cán bộ	%		
			Số lượt cán bộ nữ	%	Số lượt cán bộ nữ	%		
27	Xã nghèo có điểm thông tin, tuyên truyền cổ động ngoài trời	Xã DBKK, xã biên giới, xã an toàn khu; và các thôn, bản DBKK	Số lượt cán bộ nữ	%	Số lượt cán bộ nữ	%	Biểu số 03, Biểu số 08 Phòng Văn hóa thông tin huyện;	
			Số lượt cán bộ DTTS	%	Số lượt cán bộ DTTS	%		
			Số xã	%	Số xã	%		
			Số xã	%	Số xã	%		
			Số xã	%	Số xã	%		
			Số xã	%	Số xã	%		
			Số xã	%	Số xã	%		
			Số xã	%	Số xã	%		
			Số xã	%	Số xã	%		
			Số xã	%	Số xã	%		
28	Trang bị bộ phương tiện tác nghiệp tuyên truyền cổ động	Xã DBKK, xã biên giới, xã an toàn khu; và các thôn, bản DBKK	Bộ phương tiện		Bộ phương tiện		Biểu số 08; Phòng Văn hóa thông tin huyện;	
			Bộ phương tiện		Bộ phương tiện			
			Bộ phương tiện		Bộ phương tiện			
			Bộ phương tiện		Bộ phương tiện			
			Bộ phương tiện		Bộ phương tiện			
29	Cụm thông tin cơ sở tại các khu vực cửa khẩu, biên giới, trung tâm giao thương	Xã DBKK, xã biên giới, xã an toàn khu; và các thôn, bản DBKK	Bộ phương tiện		Bộ phương tiện		Biểu số 08; Phòng Văn hóa thông tin huyện;	
			Bộ phương tiện		Bộ phương tiện			
			Bộ phương tiện		Bộ phương tiện			
			Bộ phương tiện		Bộ phương tiện			
			Bộ phương tiện		Bộ phương tiện			

Kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững năm 2016
(Kèm theo Công văn số /UBND-LĐTĐBXH ngày 09/01/2017 của Chủ tịch UBND huyện Triệu Sơn)

TT	Tên dự án	Đơn vị tính	Kế hoạch đầu năm 2016	Kết quả thực hiện Chương trình		Kế hoạch 2017
				Năm 2016	% so với kế hoạch đầu năm	
1	2	3	4	5	6=5/4	7
A	Dự án 1 Chương trình 30a					
I	Tiêu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng các huyện nghèo					
I	Tổng ngân sách, trong đó:	Triệu đồng	-	-	-	-
	- Đầu tư phát triển	Triệu đồng	-	-	-	-
	- Sự nghiệp	Triệu đồng	-	-	-	-
1.1	Ngân sách trung ương, trong đó:	Triệu đồng	-	-	-	-
	- Đầu tư phát triển	Triệu đồng				
	- Sự nghiệp	Triệu đồng				
1.2	Ngân sách địa phương	Triệu đồng	-	-	-	-
	- Đầu tư phát triển	Triệu đồng				
	- Sự nghiệp	Triệu đồng				
1.3	Huy động nguồn khác nguồn khác	Triệu đồng				
2	Kết quả thực hiện					
2.1	Số công trình đầu tư được khởi công mới	Công trình				
	+ Đường giao thông	Công trình				
	+ Cầu	Công trình				
	+ Trường học	Công trình				
	+ Trạm điện	Công trình				
	+ (chi tiết)	Công trình				
2.2	Số công trình được đầu tư chuyển tiếp (theo từng loại công trình ở trên)	Công trình				
2.3	Số công trình được duy tu bảo dưỡng (theo từng loại công trình ở trên)	Công trình				

TT	Tên dự án	Đơn vị tính	Kế hoạch đầu năm 2016	Kết quả thực hiện Chương trình		Kế hoạch 2017
				Năm 2016	% so với kế hoạch đầu năm	
II	Tiểu dự án 2: Hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo					
I	Tổng ngân sách, trong đó:	Triệu đồng	-	-	-	-
	- Đầu tư phát triển	Triệu đồng	-	-	-	-
	- Sự nghiệp	Triệu đồng	-	-	-	-
1.1	Ngân sách trung ương, trong đó:	Triệu đồng	-	-	-	-
	- Đầu tư phát triển	Triệu đồng				
	- Sự nghiệp	Triệu đồng				
1.2	Ngân sách địa phương	Triệu đồng	-	-	-	-
	- Đầu tư phát triển	Triệu đồng				
	- Sự nghiệp	Triệu đồng				
1.3	Huy động nguồn khác	Triệu đồng				
2	Kết quả thực hiện					
2.1	Số công trình đầu tư được khởi công mới	Công trình				
	+ Đường giao thông	Công trình				
	+ Cầu	Công trình				
	+ Trường học	Công trình				
	+ Trạm điện	Công trình				
	+ (chi tiết)	Công trình				
2.2	Số công trình được đầu tư chuyển tiếp (theo từng loại công trình ở trên)	Công trình				
2.3	Số công trình được duy tu bảo dưỡng (theo từng loại công trình ở trên)	Công trình				
III	Tiểu dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo					
I	Tổng ngân sách	Triệu đồng	-	-	-	-
1.1	Ngân sách trung ương	Triệu đồng				
1.2	Ngân sách địa phương	Triệu đồng				
1.3	Huy động nguồn khác	Triệu đồng				
2	Kết quả thực hiện					
2.1	Huyện nghèo					

TT	Tên dự án	Đơn vị tính	Kế hoạch đầu năm 2016	Kết quả thực hiện Chương trình		Kế hoạch 2017
				Năm 2016	% so với kế hoạch đầu năm	
	- Số dự án PTSX					
	+ Số người được hỗ trợ	Người				
	+ Số dự án được triển khai (theo từng loại dự án)	Dự án				
	- Số mô hình NRMHGN					
	+ Số người được hỗ trợ	Người				
	+ Số mô hình được triển khai (theo từng loại mô hình)	Mô hình				
2.2	Xã DBKK vùng bãi ngang					
	- Số dự án PTSX					
	+ Số người được hỗ trợ	Người				
	+ Số dự án được triển khai (theo từng loại dự án)	Dự án				
	- Số mô hình NRMHGN					
	+ Số người được hỗ trợ	Người				
	+ Số mô hình được triển khai (theo từng loại mô hình)	Mô hình				
IV	Tiêu dự án 4: Hỗ trợ cho lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ dân tộc thiểu số đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài					
1	Tổng ngân sách, gồm	Triệu đồng	-	-	-	
	- Ngân sách Trung ương	Triệu đồng				
	- Ngân sách địa phương	Triệu đồng				
	- Huy động nguồn khác	Triệu đồng				
2	Kinh phí giải ngân	Triệu đồng	-	-	-	
	- Chia theo nguồn ngân sách					
	+ Ngân sách Trung ương	Triệu đồng				
	+ Ngân sách địa phương	Triệu đồng				
	+ Huy động nguồn khác	Triệu đồng				
	- Chia theo hoạt động					
	+ Hỗ trợ người lao động	Triệu đồng				
	+ Nâng cao năng lực cán bộ, hỗ trợ hoạt động tu vấn đi làm việc ở nước ngoài	Triệu đồng				
	+ Tu vấn giới thiệu việc làm cho người lao động về nước	Triệu đồng				
3	Kết quả thực hiện					
3.1.1	Hỗ trợ đào tạo					

TT	Tên dự án	Đơn vị tính	Kế hoạch đầu năm 2016	Kết quả thực hiện Chương trình		Kế hoạch 2017
				Năm 2016	% so với kế hoạch đầu năm	
a.	Tổng số lao động được hỗ trợ đào tạo	Người	-	-	-	-
	- <i>Chia theo đối tượng:</i>					
	+ Lao động thuộc hộ nghèo và người dân tộc thiểu số	Người	-	-	-	-
	+ Lao động thuộc hộ cận nghèo	Người	-	-	-	-
	+ Lao động thuộc các đối tượng khác	Người	-	-	-	-
	- <i>Trong đó:</i>					
	Số lao động được hỗ trợ đào tạo nghề trong tổng số lao động được hỗ trợ đào tạo	Người	-	-	-	-
	- <i>Chia theo đối tượng:</i>					
	+ Lao động thuộc hộ nghèo và người dân tộc thiểu số	Người	-	-	-	-
	+ Lao động thuộc hộ cận nghèo	Người	-	-	-	-
b.	+ Lao động thuộc các đối tượng khác	Người	-	-	-	-
	Số lao động được hỗ trợ hoàn thành các khóa đào tạo (nghề, ngoại ngữ, bồi dưỡng kiến thức cần thiết):	Người	-	-	-	-
	- <i>Chia theo đối tượng:</i>					
	+ Lao động thuộc hộ nghèo và người dân tộc thiểu số	Người	-	-	-	-
	+ Lao động thuộc hộ cận nghèo	Người	-	-	-	-
	+ Lao động thuộc các đối tượng khác	Người	-	-	-	-
	- <i>Trong đó:</i>					
	Số lao động hoàn thành khóa đào tạo nghề trong tổng số lao động hoàn thành các khóa đào tạo	Người	-	-	-	-
	- <i>Chia theo đối tượng:</i>					
	+ Lao động thuộc hộ nghèo và người dân tộc thiểu số	Người	-	-	-	-
+ Lao động thuộc hộ cận nghèo	Người	-	-	-	-	
+ Lao động thuộc các đối tượng khác	Người	-	-	-	-	
3.1.2 Tổng số lao động được hỗ trợ thủ tục xuất cảnh						
<i>Chia theo đối tượng:</i>						
+ Lao động thuộc hộ nghèo và người dân tộc thiểu số	Người	-	-	-	-	-
+ Lao động thuộc hộ cận nghèo	Người	-	-	-	-	-
+ Lao động thuộc các đối tượng khác	Người	-	-	-	-	-
3.1.3 Tổng số lao động đã xuất cảnh						
+ Lao động thuộc các đối tượng khác	Người	-	-	-	-	-
+ Lao động thuộc hộ cận nghèo	Người	-	-	-	-	-
+ Lao động thuộc hộ nghèo và người dân tộc thiểu số	Người	-	-	-	-	-
+ Lao động thuộc các đối tượng khác	Người	-	-	-	-	-
+ Lao động thuộc hộ cận nghèo	Người	-	-	-	-	-
+ Lao động thuộc hộ nghèo và người dân tộc thiểu số	Người	-	-	-	-	-

TT	Tên dự án	Đơn vị tính	Kế hoạch đầu năm 2016	Kết quả thực hiện Chương trình		Kế hoạch 2017
				Năm 2016	% so với kế hoạch đầu năm	
	- Chia theo đối tượng:					
	+ Lao động thuộc hộ nghèo và người dân tộc thiểu số	Người				
	+ Lao động thuộc hộ cận nghèo	Người				
	+ Lao động thuộc các đối tượng khác	Người				
	- Trong đó:					
	Tổng số lao động được đào tạo nghề đã xuất cảnh	Người	-	-	-	-
	Chia theo đối tượng:					
	+ Lao động thuộc hộ nghèo và người dân tộc thiểu số	Người				
	+ Lao động thuộc hộ cận nghèo	Người				
	+ Lao động thuộc các đối tượng khác	Người				
3.2	Nâng cao năng lực cán bộ, hỗ trợ hoạt động tư vấn					
3.2.1	Nâng cao năng lực cán bộ					
	- Số lớp nâng cao năng lực được thực hiện	Lớp				
	- Số cán bộ, tuyên truyền viên cơ sở được tập huấn nâng cao năng lực	Người				
3.2.2	Hỗ trợ hoạt động tư vấn cho người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng					
	- Số người làm công tác tư vấn trực tiếp cho người lao động ở địa phương	Người				
	- Số buổi tuyên truyền, văn động được hỗ trợ từ ngân sách/nguồn huy động	Buổi				
3.3	Tư vấn, giới thiệu việc làm sau khi người lao động về nước tại địa phương					
	- Số lao động được tư vấn giới thiệu việc làm sau khi về nước	Người				
	- Số lao động có việc làm sau khi được tư vấn	Người				
B	Chương trình 135					
I	Tiêu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng trên địa bàn xã DBKK, xã biên giới, xã an toàn khu; và các thôn, bản DBKK					
I	Tổng ngân sách, trong đó:					
	- Đầu tư phát triển	Triệu đồng	-	-	-	-
	- Sự nghiệp	Triệu đồng	-	-	-	-
1.1	Ngân sách trung ương, trong đó:					
	- Đầu tư phát triển	Triệu đồng	-	-	-	-
	- Sự nghiệp	Triệu đồng				
1.2	Ngân sách địa phương	Triệu đồng	-	-	-	-

TT	Tên dự án	Đơn vị tính	Kế hoạch đầu năm 2016	Kết quả thực hiện Chương trình		Kế hoạch 2017
				Năm 2016	% so với kế hoạch đầu năm	
	- Đầu tư phát triển	Triệu đồng				
	- Sự nghiệp	Triệu đồng				
1.3	Huy động nguồn khác	Triệu đồng				
2	Kết quả thực hiện					
2.1	Số công trình đầu tư được khởi công mới	Công trình				
	+ Đường giao thông	Công trình				
	+ Cầu	Công trình				
	+ Trường học	Công trình				
	+ Trạm điện	Công trình				
	+ (chi tiết)	Công trình				
2.2	Số công trình được đầu tư chuyển tiếp (theo từng loại công trình ở trên)	Công trình				
2.3	Số công trình được duy tu bảo dưỡng (theo từng loại công trình ở trên)	Công trình				
3	Tổng số xã	Xã				
4	Tổng số thôn bản	Thôn bản				
II	Tiêu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo bền vững trên địa bàn xã DBKK, xã biên giới, xã an toàn khu; và các thôn, bản DBKK					
I	Tổng ngân sách	Triệu đồng	-	-	-	
1.1	Ngân sách trung ương	Triệu đồng				
1.2	Ngân sách địa phương	Triệu đồng				
1.3	Huy động nguồn khác	Triệu đồng				
2	Kết quả thực hiện					
	- Số dự án PTSX	Người				
	+ Số người được hỗ trợ	Người				
	+ Số dự án được triển khai (theo từng loại dự án)	Dự án				
	- Số mô hình NRMHGN	Người				
	+ Số người được hỗ trợ	Người				
	+ Số mô hình được triển khai (theo từng loại mô hình)	Mô hình				

TT	Tên dự án	Đơn vị tính	Kế hoạch đầu năm 2016	Kết quả thực hiện Chương trình		Kế hoạch 2017
				Năm 2016	% so với kế hoạch đầu năm	
III	Tiêu dự án 3: Nâng cao năng lực cán bộ cơ sở và cộng đồng trên địa bàn xã ĐBKk, xã biên giới, xã an toàn khu; và các thôn, bản ĐBKk					
1	Tổng ngân sách	Triệu đồng	-	-	-	-
1.1	Ngân sách trung ương	Triệu đồng				
1.2	Ngân sách địa phương	Triệu đồng				
1.3	Huy động nguồn khác	Triệu đồng				
2	Kết quả thực hiện					
	- Hoạt động đào tạo, tập huấn cán bộ (theo các loại hoạt động)					
	+ Số lớp đào tạo, tập huấn	Lớp				
	+ Số cán bộ được đào tạo, tập huấn	Cán bộ				
	- Hoạt động đào tạo, tập huấn cộng đồng (theo các loại hoạt động)					
	+ Số lớp đào tạo, tập huấn	Lớp				
	+ Số người dân được đào tạo, tập huấn (cộng đồng)	Lượt người				
C	Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo bền vững (trên địa bàn xã ngoài Chương trình 135 và Chương trình 30a)					
1	Tổng ngân sách	Triệu đồng	-	-	-	-
1.1	Ngân sách trung ương	Triệu đồng				
1.2	Ngân sách địa phương	Triệu đồng				
1.3	Huy động nguồn khác	Triệu đồng				
2	Kết quả thực hiện					
	- Số dự án PTSS	Người				
	+ Số người được hỗ trợ	Dự án				
	+ Số dự án được triển khai (theo từng loại dự án)					
	- Số mô hình NRMHGN	Người				
	+ Số người được hỗ trợ	Mô hình				
	+ Số mô hình được triển khai (theo từng loại mô hình)					
D	Dự án truyền thông và giảm nghèo về thông tin					
1	Tổng ngân sách, trong đó:	Triệu đồng	-	-	-	-
	- Đầu tư phát triển	Triệu đồng	-	-	-	-

TT	Tên dự án	Đơn vị tính	Kế hoạch đầu năm 2016	Kết quả thực hiện		Kế hoạch 2017
				Năm 2016	% so với kế hoạch đầu năm	
1.1	- Sự nghiệp	Triệu đồng	-			
	Ngân sách trung ương, trong đó:	Triệu đồng	-	-	-	
	- Đầu tư phát triển	Triệu đồng				
	- Sự nghiệp	Triệu đồng				
	1.2	Ngân sách địa phương	Triệu đồng	-	-	
	- Đầu tư phát triển	Triệu đồng				
	- Sự nghiệp	Triệu đồng				
	1.3	Huy động nguồn khác	Triệu đồng			
	2	Kết quả thực hiện	Triệu đồng			
	2.1.	Hoạt động truyền thông về giảm nghèo				
	- Số lượng chương trình phát thanh sản xuất, trong đó:	Chương trình				
	+ Số lượng do Bộ, ngành sản xuất	Chương trình				
	+ Số lượng do địa phương sản xuất	Chương trình				
	- Số lượng chương trình truyền hình sản xuất, trong đó:	Chương trình				
	+ Số lượng do Bộ, ngành sản xuất	Chương trình				
	+ Số lượng do địa phương sản xuất	Chương trình				
	- Số lượng ấn phẩm truyền thông do Bộ, ngành, địa phương xuất bản, bao gồm:	Ấn phẩm				
	+ Số lượng chuyên san được xuất bản	Ấn phẩm				
	+ Số lượng video clip được sản xuất	Clip				
	+ Số lượng tờ rơi được xuất bản	Ấn phẩm				
	- Số lượng tọa đàm, đối thoại được tổ chức thực hiện	Cuộc				
	+ Số lượng tọa đàm, đối thoại do Bộ, ngành tổ chức thực hiện	Cuộc				
	+ Số lượng tọa đàm, đối thoại do địa phương tổ chức thực hiện	Cuộc				
	- Số lượng sách chuyên đề về giảm nghèo do Bộ, ngành/địa phương xuất bản, bao gồm:	Ấn phẩm				
	+ Số đầu sách	Ấn phẩm				
	+ Số lượng sách	Cuốn				
	- Số lượng các cuộc đối thoại chính sách giảm nghèo					
	+ Số cuộc đối thoại (theo các cấp)	Đối thoại				
	+ Số người tham gia đối thoại	Người				
2.2.	Hoạt động giảm nghèo về thông tin					

TT	Tên dự án	Đơn vị tính	Kế hoạch đầu năm 2016	Kết quả thực hiện Chương trình		Kế hoạch 2017
				Năm 2016	% so với kế hoạch đầu năm	
	- Số cán bộ cấp xã làm công tác thông tin và truyền thông được đào tạo nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ thông tin tuyên truyền cổ động	Cán bộ				
	- Số hộ dân thuộc địa bàn huyện nghèo, xã nghèo được tiếp cận, cung cấp thông tin	Hộ				
	- Số lượng chương trình phát thanh sản xuất, trong đó:					
	+ Số lượng do Bộ, ngành sản xuất	Chương trình				
	+ Số lượng do địa phương sản xuất	Chương trình				
	- Số lượng chương trình truyền hình sản xuất, trong đó:					
	+ Số lượng do Bộ, ngành sản xuất	Chương trình				
	+ Số lượng do địa phương sản xuất	Chương trình				
	- Số lượng sách chuyên đề do Bộ, ngành/địa phương xuất bản, bao gồm:					
	+ Số đầu sách	Ấn phẩm				
	+ Số lượng sách	Cuốn				
	- Số lượng ấn phẩm truyền thông do Bộ, ngành, địa phương xuất bản, bao gồm:					
	+ Số lượng chuyên san được xuất bản	Ấn phẩm				
	+ Số lượng video clip được sản xuất	Clip				
	+ Số lượng tờ rơi được xuất bản	Ấn phẩm				
	- Số lượng phương tiện nghe - xem được hỗ trợ	Phương tiện				
	- Số lượng huyện được trang bị phương tiện tác nghiệp tuyên truyền cổ động	Huyện				
	- Số lượng xã được trang bị phương tiện tác nghiệp tuyên truyền cổ động	Xã				
	- Số lượng xã nghèo có điểm thông tin, tuyên truyền cổ động	Xã				
	- Số lượng điểm thông tin, tuyên truyền cổ động ngoài trời có ở xã	Điểm				
	- Số Cụm thông tin cơ sở tại các khu vực cửa khẩu, biên giới, trung tâm giao thương được đầu tư	Cụm				
E	Dự án hỗ trợ nâng cao năng lực giảm nghèo và giám sát, đánh giá chương trình					
1	Tổng ngân sách					
1.1	Ngân sách trung ương	Triệu đồng				
1.2	Ngân sách địa phương	Triệu đồng				
1.3	Huy động nguồn khác	Triệu đồng				
1	Kết quả thực hiện					
	- Hoạt động đào tạo, tập huấn cán bộ (theo các loại hoạt động)					

TT	Tên dự án	Đơn vị tính	Kế hoạch đầu năm 2016	Kết quả thực hiện Chương trình		Kế hoạch 2017
				Năm 2016	% so với kế hoạch đầu năm	
	+ Số lớp đào tạo, tập huấn	Lớp				
	+ Số cán bộ được đào tạo, tập huấn	Cán bộ				
	- Hoạt động đào tạo, tập huấn cộng đồng (theo các loại hoạt động)					
	+ Số lớp đào tạo, tập huấn	Lớp				
	+ Số người dân được đào tạo, tập huấn (cộng đồng)	Lượt người				
	- Hoạt động kiểm tra và giám sát, đánh giá					
	+ Số đoàn kiểm tra (theo các cấp kiểm tra)	Đoàn				

Tỉnh
Huyện

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

BIỂU SỐ 03

Thông tin chung giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững năm 2016
(Kèm theo Công văn số /UBND-LĐTĐHXH ngày 09/01/2017 của Chủ tịch UBND huyện Triệu Sơn)

STT	Tên xã	Loại xã	Số thôn bản		Trong đó						Lao động		Cơ đường đến trung tâm xã		Số thôn bản có đường		Số hộ gia đình được sử dụng nước sạch		Đất canh tác		Xã đạt tiêu chuẩn quốc gia về BHYT	Xã có cơ sở vật chất trường mầm non, phổ thông, TIHTCD, NTM đạt	Cơ cấu kinh tế				Tổng giá trị sản xuất (GDP) năm... (theo giá thực tế)		Thu nhập bình quân	Các dự án khác có mục tiêu giảm nghèo		NCNL cần bù					
			Tổng số	Số thôn bản	Tổng số hộ	Số hộ canh nông	Số hộ mới thoát nghèo	Số hộ DTTS là nữ	Tổng số lao động	Trong đó số lao động nữ	Công	Thương mại và dịch vụ	Số hộ	Số hộ	Diện tích canh tác được tưới tiêu	Diện tích hằng năm	Xã chi đầu tư về quốc gia về BHYT	Mang lại trường, TIHTCD, NTM đạt	phổ thông, TIHTCD, NTM đạt	Số tiêu chí đạt			% nông lâm ngư nghiệp	% thương mại, dịch vụ	% công nghiệp và xây dựng	Nông lâm ngư nghiệp	Công nghiệp và xây dựng	Thương mại và dịch vụ		Tên dự án	Tổng mức đầu tư trong năm	Số được tham gia các hoạt động NCNL	Số cần tham gia các hoạt động NCNL	Số được tham gia các hoạt động NCNL			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33					
II	Huyện	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33			
	XÃ A	135																																			
	XÃ B	ATK																																			
	XÃ C	257																																			
	XÃ B	ATK																																			
	XÃ B	ATK																																			
	TỔNG CỘNG																																				

Lưu ý:

- Biểu này do cấp huyện lập trên cơ sở thông kê và báo cáo của cấp xã
- Biểu này không liên quan trực tiếp đến các hoạt động của CTMTQG GN nhưng là những kết quả quan trọng được quy định phải đo lường trong Khung Kết quả
- Cấp tỉnh tổng hợp từ biểu cấp huyện thì bổ sung thêm mới dòng ghi "Tên huyện" trước dòng ghi xã đầu tiên; và dòng tổng cộng ở cuối cùng
- Các huyện tổng hợp các xã chi tiết, kiểm tra công thức. Khi nộp báo cáo gửi cả file điện tử về tỉnh để ghép vào file báo cáo chung của tỉnh với TW.

Ngày tháng Năm
UBND huyện
(Ký tên và đóng dấu)

Tỉnh
 Huyện
 Xã

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

BIỂU SỐ 04

Thông tin giám sát công trình cơ sở hạ tầng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững năm 2016
 (Kèm theo Công văn số /UBND-LĐTĐBXH ngày 09/01/2017 của Chủ tịch UBND huyện Triệu Sơn)

STT	Loại công trình	Quy mô công trình	Mã dự án/tên dự án	Tiêu chuẩn kỹ thuật (nếu có)	Năng cấp hay xây mới	Hình thức đầu tư	Có đầu tư theo cơ chế đặc thù riêng hay không?	Tổng vốn		Trong đó								Cấp làm chủ đầu tư		Đội lượng thụ hưởng				Lao động tự dụng			Số ngày công đóng góp của công dân (nếu có)	Công đồng giám sát (nếu có)	Số hộ không DT&BD (nếu có)									
								Đầu tư	Sự nghiệp	NS theo cấp		Đóng góp của người hưởng lợi		Nguồn khác (nếu có)	Xã làm CĐT	Huyện làm CĐT	Tổng số hộ	Số hộ cận nghèo	Số hộ nghèo	Số hộ DTTS	Tổng số lao động	Số lao động tại chỗ	% trả công tại chỗ	Số ngày công đóng góp của công dân (nếu có)	Số hộ không DT&BD (nếu có)													
										1	2	3	4													5				6	7	8	9	10	11	12	13	14
1																																						
2																																						
3																																						
4	(đường giao thông, đường ra khu sản xuất, nông nghiệp, trường, trạm y tế, chợ...)	(chiều dài, diện tích, số phòng học...)	(ghi theo mã thông nhất cho các dự án, tiểu dự án)	(ghi tiêu chuẩn nếu có ví dụ TC... của BGVIT)	(nếu có nâng cấp, kiến tạo...)	(nếu có hình thức đầu tư khác)	(nếu có đầu tư theo cơ chế đặc thù)																															
5																																						
6																																						
7																																						
8																																						
9																																						
TỔNG CỘNG																																						

Ngày tháng Năm
 UBND xã/huyện
 (Ký tên và đóng dấu)

- Lưu ý:**
- Biểu mẫu này do cấp xã lập (nếu xã làm chủ đầu tư) hoặc cấp huyện lập (nếu huyện làm chủ đầu tư);
 - Cấp huyện tổng hợp từ báo cáo của cấp xã, bổ sung một cột "tổng cộng" ở dưới cùng của bảng khi tổng hợp
 - Cấp tỉnh tổng hợp từ báo cáo của cấp huyện, bổ sung một cột "tên huyện" và một dòng "tổng cộng" ở dưới cùng khi tổng hợp, có thể chia theo từng loại công trình (ví dụ: giao thông, thủy lợi...)
 - Mã dự án, tiểu dự án như sau:
 - + Mã 1.1: công trình thuộc Dự án 1, tiểu dự án 1 - CSHT huyện nghèo
 - + Mã 1.2: công trình thuộc Dự án 1, tiểu dự án 2 - CSHT xã DBKK BNVBHD
 - + Mã 2.1: công trình thuộc Dự án 2, tiểu dự án 1 - CSHT

Tỉnh
 Huyện
 Xã

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
 Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

BIỂU SỐ 05

Thông tin giám sát hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững năm 2016
 (Kèm theo Công văn số /UBND-LĐTBXH ngày 09/01/2017 của Chủ tịch UBND huyện Trilưu Sơn)

STT	Tên Dự án	Quy mô hoạt động	Mã dự án/hiệu dự án	Cấp làm chủ đầu tư	Trong đó					Thời gian thực hiện	Có hợp tác với DN không?	Số hộ tham gia	Trong đó				Khí hợp tác trước khi hoạt động?	Số hộ trước khi hoạt động	Loại hoạt động NCNL	Nội dung NCNL	Số hộ tham gia tập huấn				Thời lượng tập huấn (số ngày, tuần)	% kinh phí NCNL/ tổng vốn của Dự án	Sau khi kết thúc chu kỳ sản xuất						
					Ngân sách	Bảng góp của người hưởng lợi	Bảng hiện vật ra tiền	NST W	NSD P				Bảng tiền	Số hộ nghèo	Số hộ cận nghèo	Số hộ mới thoát nghèo					Số hộ DTT S	Số hộ nghèo	Số hộ cận nghèo	Số hộ mới thoát nghèo			Số hộ DTT S	Năng suất tăng (nếu có)	Sản lượng tăng (nếu có)	Năng cao chất lượng (nếu có)	Tăng thu nhập (nếu có mức tăng)		
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26			
1																																	
2																																	
3	thông...	(nếu rõ	(ghi theo							(Dự kiến										(kỹ thuật													
4	chấn nước...	chức năng	mã thông			chu kỳ				thành để									(Tập														
5	diện vụ...-	tác, tổng	nhất cho			sản				LKH thi									huấn														
6	(nếu rõ theo	nhu, công	theo dự			ngày...-				hoạt									ngắn,														
7	nhóm, có	theo dự	án, tiêu			ngày...-				động									tập														
8	hoạch sản	đầu tư	đầu tư			ngày...-				nữ do									huấn														
9	xuất, thích	ứng với	đầu tư			ngày...-				chính?									đầu tư,														
10	ứng với	đầu tư	đầu tư			ngày...-				chính?									học														
11	đầu tư	đầu tư	đầu tư			ngày...-				chính?									học														
TỔNG CỘNG																																	

Lưu ý: ngày tháng Năm.....
 UBND xã
 (Ký tên và đóng dấu)

- Biểu mẫu này do cấp xã lập trên cơ sở thông tin từ các tổ nhóm tham gia các dự án phát triển sản xuất
- Khi cấp huyện tổng hợp thì bổ sung thêm cột "Tên xã" và dòng "tổng cộng" toàn huyện
- Khi cấp tỉnh tổng hợp từ cấp huyện thì bổ sung thêm cột "huyện" và thêm dòng "tổng cộng" cho toàn tỉnh
- Lưu ý là 1 dự án PTSX có thể có nhiều hoạt động NCNL. Khi đó, bổ sung thêm các dòng tương ứng với từng hoạt động NCNL của mỗi dự án
- Mã dự án, tiêu dự án như sau:
 - + Mã 1.3.1: Dự án 1, tiêu dự án 3, hoạt động hỗ trợ các dự án phát triển sản xuất
 - + Mã 2.2.1: Dự án 2, tiêu dự án 2, hoạt động hỗ trợ các dự án phát triển sản xuất
 - + Mã 3.1: Dự án 3, hoạt động hỗ trợ các dự án phát triển sản xuất

Tỉnh
 Huyện
 Xã

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
 Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

BIỂU SỐ 06

Thông tin giám sát hoạt động nhân rộng mô hình giảm nghèo thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững năm 2016
 (Kèm theo Công văn số /UBND-LĐT&XH ngày 09/01/2017 của Chủ tịch UBND huyện Triệu Sơn)

STT	Tên mô hình	Quy mô hoạt động	Mã dự án/hiệu đầu tư	Cấp làm chủ đầu tư	Trong đó					Thời gian thực hiện	Thông tin về mô hình không? (nếu có)	Cơ hợp tác với DN (nếu có)	Trong đó					Khi hợp tác với thôn thị xã? xuất? Hai nhóm?	Cơ chế hoạt động trước	Loại hoạt động nâng cao năng lực (NCNL)	Nội dung NCNL	Số hộ tham gia tập huấn					Thời gian tập huấn (số ngày, tuần)	% kinh phí UBND cấp Dự án (nếu có)	Sau khi kết thúc chu kỳ sản xuất			Số hộ thoát nghèo
					Nguyên sách	Đóng góp của người hưởng lợi	Bảng tiền	Bảng hiện vật quy đổi ra tiền	1				2	3	4	5	Số hộ tham gia					Số hộ cận nghèo	Số hộ mới thoát nghèo	Số hộ DTTS	Số hộ tham gia tập huấn	Số hộ cận nghèo			Số hộ mới thoát nghèo	Số hộ DTTS	Sản lượng tăng (nếu có)	
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28
1	trường, nhân	(nếu có tổng diện tích canh tác, tổng số vật nuôi, tổng số nhân, có nhóm, có theo quy hoạch sản xuất, thích ứng với biến đổi khí hậu)	(ghi theo mã, thông tin cho các dự án, tiểu dự án)							(Dự kiến đầu tư sản xuất, từ ngày... đến ngày...)	(Thành công ở khâu nào? khác gì? chứng tại địa phương?)						(khi hợp tác thôn thị xã? xuất? Hai nhóm?)		(Tập huấn ngắn, tập huấn đầu học hiện trường, tham quan học hỏi kinh nghiệm...)	(kỹ thuật canh tác... kỹ thuật chăn nuôi... kỹ thuật chế biến sau thu hoạch, quản lý bệnh hại, quản lý chuồng, lượng, phân, thức ăn...)												
TỔNG CỘNG																																
11																																

..... ngày tháng Năm.....
 UBND xã
 (ký tên và đóng dấu)

Lưu ý:
 - Biểu mẫu này do cấp xã lập trên cơ sở thông tin từ các tổ nhóm tham gia các mô hình giảm nghèo theo hoạt động NRMHGN
 - Khi cấp huyện đồng hợp thì bổ sung thêm cột "tên xã" và dòng "tổng cộng" toàn huyện
 - Khi cấp tỉnh đồng hợp thì bổ sung thêm cột "huyện" và thêm dòng "tổng cộng" cho toàn tỉnh
 - Lưu ý là 1 mô hình giảm nghèo có thể có nhiều hoạt động NCNL. Khi đó, bổ sung thêm các dòng tương ứng với từng hoạt động NCNL của mỗi mô hình
 - Mã dự án, tiểu dự án như sau:
 + Mã 1.3.2: Dự án 1, tiểu dự án 3, hoạt động nhân rộng mô hình giảm nghèo
 + Mã 2.2.2: Dự án 2, tiểu dự án 2, hoạt động nhân rộng mô hình giảm nghèo
 + Mã 3.2: Dự án 3, hoạt động nhân rộng mô hình giảm nghèo

Tỉnh
 Huyện:
 Xã:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

BIỂU SỐ 07

Thông tin giám sát hoạt động hỗ trợ cho lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững năm 2016
 (Kèm theo Công văn số /UBND-LĐTĐXH ngày 09/01/2017 của Chủ tịch UBND huyện Triệu Sơn)

STT	Đơn vị (huyện, nghề hoặc xã ĐBKX vùng bãi ngang ven biển và hải đảo)	Số lao động được hỗ trợ đào tạo			Số lao động hoàn thành khóa đào tạo			Số lượng xuất cảnh	Thị trường đi lao động			Kinh phí thực hiện hỗ trợ người lao động tham gia đào tạo	Trong đó		Số lao động thực hiện	Số cán bộ, tuyên truyền viên cơ sở được tập huấn nâng cao năng lực	Số lượt được tư vấn việc làm	Số người tìm được việc làm	Kinh phí thực hiện	Tổng kinh phí thực hiện	Trong đó					
		Đào tạo nghề	Đào tạo ngoại ngữ	Bồi dưỡng kiến thức cần thiết	Đào tạo nghề	Đào tạo ngoại ngữ	Bồi dưỡng kiến thức cần thiết		Số lượng được hỗ trợ xuất cảnh	Trong đó, số được hỗ trợ đào tạo nghề đã xuất cảnh	Đông Nam Á		Trung Đông	Thị trường khác (nếu có)							Kinh phí hỗ trợ đào tạo và các thủ tục khác	Số lượt được tư vấn việc làm	Kinh phí thực hiện	NSTW	NSDP	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25
	Huyện A Trong đó chia theo đối tượng: - Hộ nghèo, dân tộc thiểu số - Cận nghèo - Khác																									
	XÃ B Trong đó chia theo đối tượng: - Hộ nghèo, dân tộc thiểu số - Cận nghèo - Khác																									
	TỔNG CỘNG																									

ngày tháng Năm
 UBND xã
 (Ký tên và đóng dấu)

- Lưu ý:**
- Biểu mẫu này do cấp xã lập trên cơ sở thông tin từ các hoạt động đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng
 - Khi cấp huyện tổng hợp thì bổ sung thêm cột "tên xã" và dòng "tổng cộng" toàn huyện
 - Khi cấp tỉnh tổng hợp từ cấp huyện thì bổ sung thêm cột "huyện" và thêm dòng "tổng cộng" cho toàn tỉnh
 - Lưu ý: số lượt người được hỗ trợ đào tạo có thể nhiều hơn số người XKLD vì có nhiều đối tượng được hỗ trợ nhưng không đi XKLD

Tỉnh
 Huyện

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
 Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

BIỂU SỐ 08

Thông tin giám sát hoạt động Truyền thông và giám nghèo về thông tin thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững năm 2016
 (Kèm theo Công văn số /UBND-LĐTĐBXH ngày 09/01/2017 của Chủ tịch UBND huyện Triệu Sơn)

STT	Loại hoạt động truyền thông	Nội dung truyền thông	Phương tiện truyền thông	Mã dự án/tiểu dự án	Cấp làm chủ đầu tư	Tổng vốn	Trong đó				Thời gian thực hiện	Địa điểm thực hiện	Số người được truyền thông	Nghèo	Trong đó			Ngôn ngữ sử dụng					
							NSTW	NSBP	Đóng góp từ người hưởng lợi						Mới thoát nghèo	DTTS	Phụ nữ						
A	B	C	D	E	F	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13					
1	(chương trình phát thanh, truyền hình; diễn đàn chính sách; hội thi; và khác - nêu rõ)	(phổ biến chính sách, gương giảm nghèo, khác - nêu rõ)	(phát thanh, truyền hình, báo điện tử, báo giấy, tờ rơi, trực tiếp...)	(nếu thông nhất theo mã dự án và tiêu dự án của Chương trình)															(có dùng tiếng DTTS không, nếu có nêu rõ)				
2																							
3																							
4																							
5																							
6																							
7																							
8																							
9																							
TỔNG CỘNG																							

Lưu ý:

- Biểu mẫu này cho cấp làm chủ đầu tư hoạt động nào thì báo cáo hoạt động đối; chỉ sử dụng với các hoạt động TT&GNTT sử dụng vốn sự nghiệp
- Khi cấp huyện tổng hợp thì bổ sung thêm cột "tên xã" và dòng "tổng cộng" toàn huyện
- Khi cấp tỉnh tổng hợp từ cấp huyện thì bổ sung thêm cột "huyện" và thêm dòng "tổng cộng" cho toàn tỉnh
- Nếu là hoạt động tập huấn NCNL truyền thông cho cán bộ văn hóa - thông tin cơ sở thì sử dụng Biểu số 09
- Mã dự án, tiêu dự án như sau:
 - + Mã 4.1: Dự án 4, hoạt động truyền thông giảm nghèo
 - + Mã 4.2: Dự án 4, hoạt động giảm nghèo về thông tin

..... ngày tháng Năm.....
 UBND huyện
 (Ký tên và đóng dấu)

Tỉnh
 Huyện

CONG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
 Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

BIỂU SỐ 09

Thông tin giám sát hoạt động nâng cao năng lực cho cán bộ và cộng đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững năm 2016
(Kèm theo Công văn số /UBND-LĐTĐHXH ngày 09/01/2017 của Chủ tịch UBND huyện Triệu Sơn)

STT	Loại hoạt động NCNL	Nội dung NCNL	Mã dự án	Cấp làm chủ đầu tư	Tổng vốn	Trong đó			Thời gian thực hiện	Giảng viên	Số người tham gia	Trong đó							Cấp chủ đầu tư														
						NSTW	NSBP					Cán bộ cấp tỉnh	Cán bộ cấp huyện	Cán bộ cấp xã	Trưởng thôn	Số cán bộ nữ	Cán bộ DTTS	Cộng đồng	huyện	tỉnh													
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15														
1	(Tập huấn TOT, tập huấn ngắn hạn, tham quan học hỏi kinh nghiệm, FFS...) (NCNL lập kế hoạch, thực đẩy sự tham gia của cộng đồng, bình đẳng giới, tiếp cận nhân học...)							(ghi rõ số ngày thực hiện)	(từ văn, cán bộ tỉnh, cán bộ huyện, khác - nếu rõ)																								
2																					3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
3																					4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	
4																					5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15		
5																					6	7	8	9	10	11	12	13	14	15			
6																					7	8	9	10	11	12	13	14	15				
7																					8	9	10	11	12	13	14	15					
8																					9	10	11	12	13	14	15						
9																					10	11	12	13	14	15							
TỔNG CỘNG																																	

Lưu ý:

- Biểu mẫu là do cấp huyện hoặc tỉnh (tả cấp CGT các hoạt động NCNL cho cán bộ và cộng đồng lập) theo định kỳ báo cáo
- Khi cấp tỉnh tổng hợp từ cấp huyện thì bổ sung thêm cột "huyện" và thêm dòng "tổng cộng" cho toàn tỉnh
- Khi cấp tỉnh tổng hợp mà có nhiều hoạt động NCNL thì có thể tách thành nhiều biểu nhỏ cho các loại hoạt động NCNL (như tập huấn TOT, tham quan...)
- Mã dự án, tiêu dự án như sau:
 - + Mã 2.3: Dự án 2, tiêu dự án 3, hoạt động NCNL cho cộng đồng và cán bộ cơ sở
 - + Mã 5.1: Dự án 5, hoạt động NCNL

..... Ngày tháng Năm.....
 UBND huyện
 (Ký tên và đóng dấu)

BIỂU SỐ 10

Tỉnh
 Huyện
 Xã

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Thông tin về sự tham gia của hộ gia đình hưởng lợi trong lập kế hoạch cấp thôn hằng năm thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững năm 2016

(Kèm theo Công văn số /UBND-LĐT/BXH ngày 09/01/2017 của Chủ tịch UBND huyện Triệu Sơn)

STT	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Tổng số hộ trong thôn bản	Số hộ tham gia	Trong đó							Chủ trì cuộc họp	Nguồn ngữ sự dựng thảo luận nhóm	Ước tính % có phát biểu	Tham gia của phụ nữ	Có biểu quyết chọn ưu tiên không?	Trong đó			
					Số hộ nghèo	Số hộ cận nghèo	Số hộ mới thoát nghèo	Số hộ DTTS	Số hộ phụ nữ làm chủ hộ	Số phụ nữ tham gia họp	Giơ tay						Phiếu kín			
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15			
1																				
2																				
3																				
4	(Tên các thôn bản trong xã)	(Nêu rõ thời gian thực hiện họp thôn để LKH)									(Nêu rõ chủ trì cuộc họp là trưởng thôn, hay cán bộ xã...)	(Có thảo luận nhóm không? Nếu có thì dùng tiếng dân tộc hay tiếng Kinh)	(Ước tính % số người tham gia có phát biểu)	(Ước tính phụ nữ tham gia họp có tích cực phát biểu)						
5																				
6																				
7																				
8																				
9	TỔNG CỘNG																			

Lưu ý:

- Biểu này do cấp xã lập trên cơ sở thông tin từ các thôn;
- Cấp huyện tổng hợp thi giữ nguyên danh sách các thôn, chỉ ghép các biểu cấp xã và bổ sung thêm cột "tên xã" và dòng "tổng cộng toàn huyện".

..... ngày tháng Năm.....
 UBND xã
 (Ký tên và đóng dấu)

BẢNG CHI TIÊU THEO DỜI CÁC CHÍNH SÁCH GIẢM NGHÈO CHUNG

(Kèm theo Công văn số /UBND-LĐTBXH ngày 09/01/2017
của Chủ tịch UBND huyện Triệu Sơn)

Số TT	Chi tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2016	Thực hiện năm 2016
1	Chính sách tín dụng ưu đãi đối với người nghèo		-	-
1	Chương trình tín dụng ưu đãi đối với hộ nghèo	Hộ		
	- Số hộ nghèo được vay vốn	Triệu đồng		
	- Tổng số tiền được vay	Triệu đồng		
	- Tổng số dư nợ	Triệu đồng		
2	Chương trình tín dụng ưu đãi đối với hộ cận nghèo	Hộ		
	- Số hộ nghèo được vay vốn	Triệu đồng		
	- Tổng số tiền được vay	Triệu đồng		
	- Tổng số dư nợ	Triệu đồng		
3	Chương trình cho vay tín dụng HS-SV	Hộ		
	- Số hộ được vay vốn	Triệu đồng		
	- Tổng số tiền được vay	Triệu đồng		
	- Tổng số dư nợ	Triệu đồng		
4	Cho vay XKLD đối với hộ nghèo	Hộ		
	- Số hộ được vay vốn	Triệu đồng		
	- Tổng số tiền được vay	Triệu đồng		
	- Tổng số dư nợ	Triệu đồng		
5	Cho vay hộ nghèo làm nhà ở	Hộ		
	- Số hộ được vay vốn	Triệu đồng		
	- Tổng số tiền được vay	Triệu đồng		
	- Tổng số dư nợ	Triệu đồng		
6	Cho vay đối với hộ dân tộc thiểu số ĐBKK	Hộ		
	- Số hộ được vay vốn	Triệu đồng		
	- Tổng số tiền được vay	Triệu đồng		
	- Tổng số dư nợ	Triệu đồng		
7	Cho vay đối với hộ gia đình SXKD tại vùng khó khăn	Hộ		
	- Số hộ được vay vốn	Triệu đồng		
	- Tổng số tiền được vay	Triệu đồng		
	- Tổng số dư nợ	Triệu đồng		
8	Cho vay NSVSMT	Hộ		
	- Số hộ nghèo được vay vốn	Triệu đồng		
	- Tổng số tiền được vay	Triệu đồng		
	- Tổng số dư nợ	Triệu đồng		
9	Chương trình tín dụng ưu đãi mới thoát	Hộ		
	- Số hộ nghèo được vay vốn	Triệu đồng		
	- Tổng số tiền được vay	Triệu đồng		
	- Tổng số dư nợ	Triệu đồng		
10	Chương trình tín dụng Giải Quyết việc làm	Hộ		
	- Số hộ nghèo được vay vốn	Triệu đồng		
	- Tổng số tiền được vay	Triệu đồng		
	- Tổng số dư nợ	Triệu đồng		
11	Chương trình cho vay thương nhân vùng khó khăn	Hộ		
	- Số hộ được vay vốn	Triệu đồng		
	- Tổng số tiền được vay	Triệu đồng		
	- Tổng số dư nợ	Triệu đồng		

Số	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2016	Thực hiện năm 2016
	- Tổng số tiền được vay	Triệu đồng		
	- Tổng số dư nợ	Triệu đồng		
12	Cho vay hộ nghèo xây dựng chòi tranh lũ			
	- Số hộ được vay vốn	Hộ		
	- Tổng số tiền được vay	Triệu đồng		
	- Tổng số dư nợ	Triệu đồng		
13	Cho vay dự án phát triển ngành Lâm nghiệp (WB3)			
	- Số hộ được vay vốn	Hộ		
	- Tổng số tiền được vay	Triệu đồng		
	- Tổng số dư nợ	Triệu đồng		
14	Cho vay hộ DBDTS nghèo, đời sống khó khăn			
	- Số hộ được vay vốn	Hộ		
	- Tổng số tiền được vay	Triệu đồng		
	- Tổng số dư nợ	Triệu đồng		
II	Chính sách hỗ trợ về y tế cho người nghèo, người cần nghèo			
1	Số người nghèo được cấp thẻ BHYT	Người		
	Số người cần nghèo được hỗ trợ mua thẻ BHYT	Người		
	Số người DTTTS được cấp thẻ BHYT	Người		
3	Số người thuộc hộ cần nghèo, hộ mới thoát thuộc hộ cần nghèo được cấp thẻ BHYT, trong đó:	Người		
	- Người thuộc hộ cần nghèo ở các huyện nghèo	Người		
	- Người thuộc hộ cần nghèo mới thoát nghèo	Người		
	- Kinh phí hỗ trợ mua thẻ BHYT	Triệu đồng		
III	Chính sách hỗ trợ trong giao dục- đào tạo			
1	Chính sách miễn giảm học phí			
	- Số HS nghèo được miễn giảm học phí	H. sinh		
	- Kinh phí Miễn giảm	Triệu đồng		
2	Chính sách tự cấp xã hội cho HS-SV			
	- Số HSSV được trợ cấp XH	H. sinh		
	- Kinh phí thực hiện	Triệu đồng		
3	Chính sách trợ cấp tiền ăn cho học sinh bán trú người DTTS			
	- Số HS được trợ cấp	H. sinh		
	- Kinh phí thực hiện	Triệu đồng		
2	Chính sách tự cấp xã hội cho HS-SV			
	- Số HSSV được trợ cấp XH	H. sinh		
	- Kinh phí thực hiện	Triệu đồng		
4	Chính sách hỗ trợ lương thực cho HS bán trú người			
	- Số HS được trợ cấp	H. sinh		
	- Số LT trợ cấp	Tấn		
5	Số học sinh thuộc huyện nghèo được tuyển thẳng vào các trường đại học, Cao đẳng	H. sinh		
IV	Chính sách hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở			
1	Số hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ cơ hoàn cảnh đặc biệt khó khăn được hỗ trợ nhà ở theo các chương trình khác (Nhà ở QDD, ...)	Hộ		
	- Kinh phí hỗ trợ	Triệu đồng		
2	Số hộ nghèo được hỗ trợ làm nhà tranh lũ theo Quyết định số 48/2014/QĐ-TTg ngày 28/8/2014	Hộ		

Số	Chi tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2016	Thực hiện năm 2016
TT	Kinh phí hỗ trợ	Triệu đồng		
V	Chính sách hỗ trợ lao động nghề đào tạo nghề miễn phí, tạo việc làm, XKLB			
1	Số LĐ thuộc hộ nghề đào tạo nghề hàn, miễn phí	Lao động		
	- Kinh phí thực hiện	Triệu đồng		
	Số LĐ thuộc hộ nghề sau khi được đào tạo nghề ngân hàng, miễn phí có được việc làm	Lao động		
2	Số LĐ thuộc hộ nghề được hỗ trợ đi XKLB	Lao động		
	- Kinh phí hỗ trợ	Triệu đồng		
	- Số người đã xuất khẩu lao động	Người		
VI	Chính sách hỗ trợ đất sản xuất cho đồng bào dân tộc thiểu số			
1	Số hộ DTS được hỗ trợ đất sản xuất	Hộ		
	- Tổng diện tích hỗ trợ	ha		
	- Kinh phí hỗ trợ	Triệu đồng		
2	Số hộ DTS được hỗ trợ chuyển đổi ngành nghề,	Hộ		
	- Kinh phí thực hiện	Triệu đồng		
	- Số người tham dự	Người		
	- Kinh phí thực hiện	Triệu đồng		
1	Tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức trợ giúp pháp lý	Lớp		
	- Số người tham dự	Người		
	- Kinh phí thực hiện	Triệu đồng		
2	Tổ chức các buổi sinh hoạt trợ giúp PL	buổi		
	- Số người tham dự	Người		
	- Kinh phí thực hiện	Triệu đồng		
3	Số lượt Tư vấn pháp luật cho người nghề, đồng bào DTS	Lượt		
	- Số người được tư vấn, hỗ trợ	Người		
	- Kinh phí thực hiện	Triệu đồng		
VIII	Chính sách hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo			
	- Số hộ nghèo được hỗ trợ	Hộ		
	- Kinh phí thực hiện	Triệu đồng		
IX	Chính sách hỗ trợ tiền điện cho hộ chính sách			
	- Số hộ được hỗ trợ	Hộ		
	- Kinh phí thực hiện	Triệu đồng		
X	Chính sách chuyên gia tiên bộ khoa học, kỹ thuật			
	- Số dự án	Dự án		
	- Số người nghề tham dự	Người		
	- Kinh phí thực hiện	Triệu đồng		
XI	Chính sách hỗ trợ trực tiếp cho người nghề theo QĐ 102 của Thủ tướng Chính phủ			
	- Số người được hỗ trợ trực tiếp theo QĐ 102	Người		
	- Kinh phí thực hiện	Triệu đồng		

TỔNG HỢP CỬ TRỢ ĐỢT XUẤT NĂM 2016

(Kèm theo Công văn số /UBND-LĐTBXH ngày 09/01/2017
của Chủ tịch UBND huyện Triệu Sơn)

	Loại đối tượng	Đơn vị tính	Kết quả thực hiện	Ghi chú
1	Tình hình thiệt hại dân sinh do thiên tai, hỏa hoạn			
1.1	Người chết, mất tích trong năm	Người		
1.2	Người bị thương nặng trong năm	Người		
1.3	Hộ có nhà bị đổ, sập, trôi, cháy, hỏng nặng trong năm	Hộ		
1.4	Hộ phải di dời nhà ở khẩn cấp do sạt lở đất, lũ quét trong năm	Hộ		
1.5	Người thiếu đói được hỗ trợ gạo trong năm	Người		
2	Kết quả cứu trợ trong năm			
2.1	Tổng kinh phí cứu trợ dân sinh trong năm	Tr. Đồng		
	Trong đó: - Ngân sách Nhà nước	Tr. Đồng		
	- Từ các nguồn khác	Tr. Đồng		
2.2	Tổng số gạo cứu trợ trong năm	Tấn		
	Trong đó: - Chính phủ hỗ trợ	Tấn		
	- Địa phương hỗ trợ	Tấn		
2.3	Huy động hiện vật (Ước quy đổi thành tiền)	Tr. Đồng		